

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 151/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04-11-2019

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mầm

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia
phiên tòa:*** Ông Lê Minh Thuận - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma
Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2019/TLST-HNGĐ ngày
18/4/2019 về “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm
2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2019
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Diễm M - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Block C, khu chung cư H – đường N, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Phạm Xuân T - vắng mặt

Địa chỉ: đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2019, quá trình tham gia tố tụng, đơn xin xét xử vắng mặt, bà Đỗ Thị Diễm M trình bày: Bà Đỗ Thị Diễm M và ông Phạm Xuân T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào ngày 18/02/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và mất dần tình cảm nên đã sống ly thân khoảng hơn 02 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay bà M xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nên bà M đề nghị Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà M và ông T có 01 con chung là Phạm Hoàng T1, sinh ngày 04/3/2016. Khi ly hôn bà M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M và ông T có số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng T - chi nhánh B đứng tên người gửi Phạm Xuân T và 01 căn hộ số tại Block C, khu căn hộ chung cư H, số đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có giá trị 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), ông T đang quản lý.

Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà M xin được sở hữu số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và lãi phát sinh gửi tại ngân hàng, còn để ông T sở hữu căn hộ chung cư; Bà M không yêu cầu ông T phải bù chênh lệch tài sản chung cho bà M.

Quá trình tham gia tố tụng, ông Phạm Xuân T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung giữa ông T và bà M như bà M trình bày ở trên là đúng.

Nay ông T xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết nên ông T xin được thuận tình ly hôn với bà M. Khi ly hôn ông T đồng ý giao cháu Phạm Hoàng T1, sinh ngày 04/3/2016 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; Việc cấp dưỡng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T xin sở hữu 500.000.000 đồng gửi tiết kiệm, còn đối với căn hộ tại Block C, khu căn hộ chung cư H, đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có giá trị 800.000.000 đồng thì bà M và cháu T1 vẫn sử dụng để ở mà không chia.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Diễm M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Diễm M được ly hôn với ông Phạm Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng T1, sinh ngày 04/3/2016 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; Việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T sở hữu 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) tiền gửi Ngân hàng, bà M sở hữu căn hộ chung cư có giá trị 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Bà M bù chênh lệch tài sản cho ông T 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Bà M và ông T phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T vắng mặt là lần thứ hai, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt; Do vậy, Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà M là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Diễm M và ông Phạm Xuân T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân bà M và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng mất dần tình cảm nên đã tự sống ly thân hơn 02 năm trở lại đây. Trong thời gian ly thân, cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay bà M và ông T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng kéo dài, tình cảm không còn nên xin thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Bà M và ông T có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng T1, sinh ngày 04/3/2016. Nay ông T và bà M đều thỏa thuận khi ly hôn giao cháu T1 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng không yêu cầu tòa án giải quyết; Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bà M và ông T nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà M và ông T có số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) gốc và lãi phát sinh từ 15/5/2018 đến nay gửi tại ngân hàng T - Chi nhánh B. Căn hộ tại Block C, khu căn hộ chung cư H, đường N, thành phố B tỉnh Đắk Lắk có giá trị hai bên thỏa thuận 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) hiện đang do ông T quản lý. Ông T xin được sở hữu số tiền gửi, căn hộ không chia mà để bà M sử dụng ở, bà M không chấp nhận mà bà M xin được sở hữu 500.000.000 đồng tiền gửi + lãi phát sinh để ông T sở hữu căn hộ chung cư và không yêu cầu ông T phải bù chênh lệch tài sản chung cho bà M; Đây là sự tự nguyện của bà M nên chấp nhận mà không chấp nhận yêu cầu của anh T.

[3] Để đảm bảo cho việc thi hành án nên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 19/4/2019.

[4] Về án phí: Bà M và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau:

Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 20.000.000 đồng + 100.000.000 đồng x 4% = 24.000.000 đồng; khấu trừ vào số tiền 14.300.000 đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Huệ đã nộp thay bà Đỗ Thị Diễm M tại Chi cục thi hành án Thành phố B, bà M còn phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải nộp 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 29, Điều 33, Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình

Áp dụng: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Diễm M và ông Phạm Xuân T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Hoàng T1, sinh ngày 04/3/2016 cho bà Đỗ Thị Diễm M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi cháu T1 không đặt ra để giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản:

Ông Phạm Xuân T được quyền sở hữu căn hộ chung cư: Căn hộ tại Blokck C, khu căn hộ cao cấp H, đường N, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 67,51m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 310294 do Sở tài nguyên và môi trường Đắk Lắk cấp đứng tên ông Phạm Xuân T và bà Đỗ Thị Diễm M ngày 11 tháng 7 năm 2016.

Bà Đỗ Thị Diễm M được quyền sở hữu 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh tại Tài khoản tiền gửi số 63630000010931 ngày 15/5/2018 đứng tên ông Phạm Xuân T, CMND số 241.059.909, gửi tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ban Mê.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 14.300.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp thay bà Đỗ Thị Diễm M tại Chi cục thi hành án Thành phố B, bà Đỗ Thị Diễm M còn phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Xuân T phải chịu 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND p. Tân Thành, Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư